

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	2
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	3 - 13
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	14
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	15 - 16
Báo cáo thu nhập giữa niên độ	17 - 18
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	19 - 20
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ	21
Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ	22 - 23
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	24 - 25
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	25 - 59

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 44/GCN-UBCK ngày 16 tháng 9 năm 2013 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 6.042.661,45 chứng chỉ với tổng giá trị là 60.426.614.500 đồng, chiếm 120,85% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VNĐ/đơn vị quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 95.081.693.100 đồng tương đương với 9.508.169,31 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định có xếp hạng tín dụng tốt.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 06/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Mạc Quang Huy	Chủ tịch, thành viên độc lập	Ngày 19 tháng 6 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên độc lập	Ngày 15 tháng 3 năm 2017
Ông Phạm Ngọc Ninh	Thành viên	Ngày 1 tháng 10 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Vũ Quang Đông, chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank - Công ty Quản lý Quỹ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ"), với tư cách là công ty quản lý quỹ của Quỹ, chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:



Ông Mạc Quang Huy
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1. Mục tiêu của Quỹ

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 44/GCN-UBCK ngày 16 tháng 9 năm 2013 và Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ đã được soát xét, tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị quỹ của Quỹ và thay đổi của chỉ số tham chiếu lần lượt là -4,76% và -9,52% so với ngày 31 tháng 12 năm 2021.

3. Chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà đầu tư.

Tỷ trọng phân bổ tài sản của Quỹ như sau:

<i>Loại hình đầu tư</i>	<i>Mức độ rủi ro</i>	<i>Tỷ trọng trong giá trị tài sản ròng (NAV)</i>
Cổ phiếu	Trung bình đến cao	50,00%
Tài sản có thu nhập cố định	Thấp đến trung bình	50,00%

Việc phân bổ tài sản có thể tăng/giảm 25,00% so với tỷ trọng trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản. Thông thường tỷ lệ phân bổ vào tài sản có thu nhập cố định sẽ cao hơn khi các điều kiện kinh tế vĩ mô thích hợp với chiến lược đầu tư thận trọng. Tỷ lệ phân bổ vào cổ phiếu sẽ cao hơn nếu điều kiện kinh tế thuận lợi cho chiến lược đầu tư nhắm vào tăng trưởng vốn.

Quỹ sẽ đầu tư chủ yếu vào một danh mục đầu tư đa dạng các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) có giá trị vốn hóa thị trường lớn và vừa. Cổ phiếu được xem là có vốn hóa thị trường lớn là những cổ phiếu có vốn hóa thị trường lớn hơn cổ phiếu có vốn hóa thị trường lớn thứ 100 được niêm yết trên HSX.

4. Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành.

5. Thời gian khuyến nghị đầu tư của Quỹ: Trung đến dài hạn

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Trung bình đến cao

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tổng giá trị tài sản ròng: 242.954.993.498 Việt Nam đồng.

Số lượng chứng chỉ quỹ: 9.508.169,31 chứng chỉ quỹ.

9. Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ

Lợi nhuận tham chiếu là tỷ suất lợi nhuận được xác định bằng trung bình giản đơn của tỷ suất sinh lợi của chỉ số VNIndex và lợi suất của trái phiếu kỳ hạn 10 (mười) năm của Chính phủ Việt Nam, tức bằng 50% (năm mươi phần trăm) nhân với tỷ suất sinh lợi của chỉ số VNIndex cộng với 50% (năm mươi phần trăm) nhân với lợi suất của trái phiếu kỳ hạn 10 (mười) năm của Chính phủ Việt Nam. Dữ liệu về lợi suất của trái phiếu kỳ hạn 10 (mười) năm của Chính phủ Việt Nam được lấy từ Reuters hoặc Bloomberg tại ngày đầu tiên của mỗi năm.

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ cho Nhà đầu tư sẽ do Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ trên cơ sở các báo cáo tài chính đã kiểm toán xác nhận khả năng có thể phân phối lợi nhuận.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phân phối nếu sau khi phân phối:

- Quỹ không đủ khả năng tài chính để hoàn thành các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ tài sản, các khoản nợ đến hạn theo quy định của pháp luật; hoặc
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ dưới mức tối thiểu theo quy định của pháp luật.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị quỹ

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản quỹ

Cơ cấu tài sản quỹ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 (%)	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 (%)	Ngày 30 tháng 6 năm 2020 (%)
Danh mục chứng khoán	95,16	81,26	65,13
Tài sản khác	4,84	18,74	34,87
Tổng cộng	100,00	100,00	100,00

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

STT	Chỉ tiêu	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 30 tháng 6 năm 2020
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VNĐ)	242.954.993.498	208.278.752.084	171.663.061.665
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	9.508.169,31	8.148.912,31	9.588.260,77
3	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	25.552,23	25.559,08	17.903,46
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	28.297,48	25.580,74	20.125,83
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	25.154,39	21.075,90	15.912,72
6	Giá cuối ngày trên 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
7	Giá cuối ngày cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
8	Giá cuối ngày thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
9	Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị quỹ (b)	-4,76	19,75	-9,20
9.1	Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị quỹ (Thay đổi do biến động giá) (b)	-5,59	18,58	-10,57
9.2	Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị quỹ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) (b)	0,82	1,17	1,37
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị quỹ (c)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị quỹ (c)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) (c)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	1,99	2,23	2,31
14	Tốc độ vòng quay danh mục (%)	23,59	32,12	51,52

(a) Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(b) Phần phân tách tăng trưởng/1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối.

(c) Quỹ chưa áp dụng chính sách phân phối lợi nhuận.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ trên một đơn vị quỹ (%)	Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ (%)
6 tháng (từ 1/1/2022 đến 30/6/2022)	-4,76	-9,52
1 năm (từ 30/6/2021 đến 30/6/2022)	-0,03	-6,37
3 năm (từ 30/6/2019 đến 30/6/2022)	31,35	19,76
3 năm (bình quân năm)	9,51	6,19
Từ khi thành lập	155,52	99,92
Từ khi thành lập (bình quân năm)	11,64	8,47

4. Tăng trưởng hàng năm

Chỉ tiêu	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 (YTD) (%)	Năm 2021 (%)	Năm 2020 (%)
Tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ/1 đơn vị quỹ	-4,76	25,70	8,25

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

1. Kinh tế vĩ mô

Tiếp nối đà tăng trưởng trong Quý 1, GDP của Việt Nam trong Quý 2/2022 tiếp tục diễn biến khả quan và vượt mức kỳ vọng của các tổ chức dự báo bất chấp sự hỗn loạn toàn cầu. Đại dịch Covid-19 mà cụ thể là biến chủng Omicron đã suy giảm đáng kể và được tin là sẽ không tác động nghiêm trọng đến nền kinh tế Việt Nam trong năm 2022. Ngành Dịch vụ phục hồi mạnh mẽ sau khi bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch. Rủi ro lạm phát và tỷ giá hối đoái gia tăng, cụ thể như sau:

- ▶ GDP tăng 7,72% so với cùng kỳ trong Quý 2/2022, đạt mức tăng trưởng hàng quý cao nhất trong vòng 10 năm trở lại đây. Sáu tháng đầu năm 2022, GDP tăng trưởng 6,42% và đây là mức tăng trưởng cao nhất kể từ sáu tháng đầu năm năm 2019 (7,0%) và cao hơn so với mức tăng trưởng trung bình của giai đoạn trước đại dịch 2015 – 2019 (6,36%). Ngành Công nghiệp & Xây dựng vẫn là trụ cột tăng trưởng chính (+8,9% trong Quý 2 và +7,7% trong 6 tháng đầu năm), trong đó ngành Chế biến, Chế tạo đóng góp nhiều nhất (+11,5% trong Quý 2 và +9,7% trong 6 tháng đầu năm). Ngành Khai khoáng tăng 2,8% so với cùng kỳ trong sáu tháng nhờ giá nguyên vật liệu cơ bản như than và quặng tăng. Ngành Xây dựng tiếp tục phục hồi với mức tăng trưởng 3,7% so với cùng kỳ trong nửa đầu năm 2022. Ngành Dịch vụ phục hồi tốt (+8,6% trong Quý 2 và +6,6% trong 6 tháng đầu năm). Tăng trưởng của lĩnh vực Dịch vụ chủ yếu đến từ dịch vụ bán buôn và bán lẻ tăng mạnh 5,8% so với cùng kỳ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ (tiếp theo)

1. Kinh tế vĩ mô (tiếp theo)

- ▶ Doanh thu bán lẻ thực tăng 7,9% so với cùng kỳ trong 6 tháng đầu năm, tăng từ mức 1,9% của 6 tháng đầu năm 2021 và -5,8% của 6 tháng đầu năm 2020.
- ▶ Chỉ số PMI suy giảm nhẹ trong tháng 6 năm 2022 xuống mức 54,0 điểm nhưng vẫn cho thấy sự cải thiện đáng kể về sản lượng sản xuất, số lượng đơn hàng mới và đơn hàng xuất khẩu mới cũng như tuyển dụng.
- ▶ Xuất khẩu hàng hóa tăng mạnh 17,3% so với cùng kỳ trong sáu tháng đầu năm 2022. Nhóm các ngành hàng xuất khẩu chủ lực duy trì đà tăng trưởng cao và phản ánh sự tăng trưởng của Ngành Chế biến, Chế tạo. Đáng chú ý là ngành hàng điện tử và điện thoại (tăng lần lượt 15,6% và 16,4% so với cùng kỳ) và ngành hàng dệt may và da giày (tăng lần lượt 20,8% và 13,5% so với cùng kỳ). Nhập khẩu hàng hoá tăng 15,5% so với cùng kỳ và thặng dư thương mại hàng hóa do đó giảm xuống 0,7 tỷ USD từ mức 1,5 tỷ USD vào cuối Quý 1/2022. Xuất khẩu dịch vụ cũng được cải thiện khi du khách quốc tế trở lại, và tăng mạnh 81,8 % so với cùng kỳ, đạt mức 4,3 tỷ USD.
- ▶ Chỉ số CPI vào cuối tháng 6 năm 2022 tăng 3,4% so với cùng kỳ, chủ yếu là do giá xăng và gas tăng, lần lượt 51,8% và 25,9% so với cùng kỳ trong sáu tháng đầu năm, đẩy chỉ số CPI tăng thêm 2,25%. Giá lương thực, thực phẩm và dịch vụ ăn uống vào cuối tháng 6 năm 2022 cũng tăng 2,3% so với cùng kỳ. Để kìm hãm đà tăng của chỉ số CPI, Chính phủ đã giảm thuế môi trường đối với mặt hàng xăng dầu và hạn chế mức tăng chi phí giáo dục.
- ▶ Tổng vốn FDI đăng ký giảm 13,9% so với cùng kỳ trong nửa đầu năm 2022 nhưng giải ngân vốn FDI vẫn khả quan.
- ▶ Về tỷ giá hối đoái, đồng USD mạnh lên đã làm tỷ giá VND/USD giảm 1,9% so với quý trước và giảm 2,2% từ đầu năm.
- ▶ Tăng trưởng tín dụng đạt 9,4% sau sáu tháng. Đây là tốc độ tăng trưởng tín dụng trong nửa đầu năm cao nhất trong 10 năm kể từ mức 9,1% ở năm 2017.

2. Thị trường cổ phiếu

Sau khi đi ngang trong Quý 1, thị trường chứng khoán Việt Nam diễn biến theo hướng kém tích cực từ đầu tháng 4 đến nửa đầu tháng 5. Chỉ số VNI sau đó đã tăng trở lại nhưng không giữ được đà hồi phục trong phần còn lại của Quý 2 và đóng cửa ở mức thấp 1.198 điểm. Với mức giảm 19,7% trong Quý 2 và giảm 20,1% sau sáu tháng, chỉ số VNI có kết quả kém hơn tất cả các chỉ số chứng khoán chính trong khu vực Đông Nam Á.

Chỉ số VNI giảm mạnh khi chịu tác động tiêu cực từ cả yếu tố trong nước và trên thế giới:

- ▶ Trong nước, Chính phủ tiếp tục thực hiện các biện pháp nhằm làm lành mạnh thị trường vốn. Lãnh đạo của một số công ty trong lĩnh vực bất động sản và chứng khoán đã bị bắt do các sai phạm trong việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp và giao dịch chứng khoán niêm yết. Các diễn biến này đã ảnh hưởng đến tâm lý của nhiều nhà đầu tư. Tuy nhiên, những nỗ lực trên của Chính phủ được tin là sẽ có lợi cho sự phát triển lâu dài của thị trường vốn.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ (tiếp theo)

2. Thị trường cổ phiếu (tiếp theo)

- ▶ Trên thế giới, cuộc chiến tranh của Nga ở Ucraina tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý nhà đầu tư. Ảnh hưởng nổi bật nhất là sự gián đoạn nguồn cung nhiên liệu, kim loại và nhiều mặt hàng thực phẩm. Điều đó, cùng với giãn cách xã hội ở nhiều thành phố lớn ở Trung Quốc, đã làm trầm trọng thêm tình trạng mất cân bằng cung cầu hàng hoá và góp phần khiến lạm phát cao kéo dài ở nhiều quốc gia phát triển. Cụ thể, CPI của Mỹ trong tháng 6 tăng 9,1% so với cùng kỳ. Trong bối cảnh đó, các nhà đầu tư đã dự đoán rằng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) sẽ đẩy nhanh việc tăng lãi suất và việc đưa lãi suất lên mức cao trong thời gian ngắn có thể khiến nền kinh tế Mỹ rơi vào suy thoái. Do đó, chỉ số S&P 500 của Mỹ đã giảm 16,4% trong Quý 2 và điều đó tác động tiêu cực đến thị trường Việt Nam.
- ▶ Do giá nhiên liệu cao làm tăng rủi ro lạm phát trong nước, NHNN đã thận trọng trong việc nới hạn mức tăng trưởng tín dụng và giám sát dòng vốn tín dụng vào các lĩnh vực rủi ro như bất động sản. Do đó, nhiều nhà đầu tư đã lo ngại về triển vọng tăng trưởng trong ngắn hạn của các ngân hàng và công ty bất động sản và điều đó đã phần nào giải thích cho diễn biến kém tích cực của các nhóm cổ phiếu này (Tài chính: -22,7%, Bất động sản: -21,9%).
- ▶ Áp lực bán giải chấp có thể là một nguyên nhân chính khác khiến chỉ số VNI giảm mạnh. Tính đến cuối Quý 1/2022, tổng dư nợ cho vay ký quỹ của các công ty chứng khoán là hơn 200 nghìn tỷ đồng¹ (tương đương 8,7 tỷ USD). Đây là mức cao kỷ lục và tăng 80% so với cùng kỳ. Với quy mô cho vay ký quỹ lớn như vậy và tốc độ giảm mạnh của thị trường, hoạt động bán giải chấp trong Quý 2 được tin là rất lớn.

Tổng giá trị giao dịch (khop lệnh và thỏa thuận) của cả ba sàn chứng khoán HSX, HNX và UPCoM trong nửa đầu năm đạt 133,5 tỷ USD (tăng 13,3% so với cùng kỳ nhưng giảm 22,0% so với 6 tháng cuối năm 2021). Thanh khoản bắt đầu sụt giảm trong Quý 2 do tâm lý kém tích cực của nhà đầu tư và sức mua suy giảm sau khi bị bán giải chấp, cũng như do tác động của các cuộc điều tra về gian lận trong giao dịch chứng khoán. Các nhà đầu tư cá nhân trong nước vẫn đóng góp chủ yếu vào thanh khoản của thị trường vì các nhà đầu tư nước ngoài chỉ chiếm khoảng 6,6% tổng giá trị giao dịch trong sáu tháng đầu năm.

Trong sáu tháng đầu năm, 9 trong 12 ngành theo phân loại của GICS giảm giá. Loại trừ nhóm Không được Phân loại (-53,3%), ngành Vật liệu ghi nhận kết quả kém nhất (-30,6%). Ngành Công nghệ Thông tin có kết quả tốt nhất (+9,1%). Ngành Tài chính, ngành lớn nhất trong chỉ số VNI với tỷ trọng 34,6%, giảm 22,7% và đóng góp nhiều nhất vào sự sụt giảm của chỉ số VNI. Theo vốn hóa thị trường, nửa đầu năm, nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn ghi nhận kết quả tốt hơn thị trường, với mức giảm 18,6%. Nhóm cổ phiếu vốn hóa nhỏ và vốn hóa trung bình có kết quả kém hơn thị trường, ghi nhận các mức giảm lần lượt là 34,4% và 29,6%.

¹ Vneconomy, 22/04/2022: Cho vay ký quỹ vẫn "căng" đến mức kỷ lục 201.176 tỷ đồng vào cuối Quý 1/2022

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ (tiếp theo)

3. Thị trường trái phiếu

Trong Quý 2/2022, Kho bạc Nhà nước phát hành 28,7 nghìn tỷ đồng Trái phiếu Chính phủ, tương đương 67% khối lượng phát hành trong Quý 1/2022, và chỉ bằng 27% khối lượng phát hành trong Quý 2/2021. Khối lượng phát hành chỉ hoàn thành 23% kế hoạch của quý. Tính chung 6 tháng đầu năm, 69,1 nghìn tỷ đồng Trái phiếu Chính Phủ được phát hành, đạt 31% kế hoạch. Khối lượng phát hành thấp một mặt do cầu yếu, và mặt khác do Kho bạc Nhà Nước không chấp nhận lãi suất cao. Khối lượng Dự thầu giảm mạnh từ 158,8 nghìn tỷ đồng trong Quý 1 xuống còn 94,5 nghìn tỷ đồng trong Quý 2. Khối lượng dự thầu của quý này chỉ bằng 28% khối lượng dự thầu Quý 2 năm ngoái. Mặc dù Kho Bạc Nhà Nước gọi thầu khối lượng thấp hơn các quý trước, tỉ lệ Dự thầu/Gọi thầu vẫn thấp ở mức kỷ lục, 1,5 lần.

Dưới áp lực căng thẳng thanh khoản hệ thống ngân hàng, lo ngại về lạm phát ngày càng gia tăng, tiền đồng mất giá, lợi tức Trái phiếu Chính phủ tiếp tục tăng trong Quý 2. Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 3-5 năm, sau khi tăng mạnh 90-100 điểm phần trăm trong Quý 1, tăng tiếp 60-65 điểm phần trăm lên mức 2,28%-2,38% vào cuối Quý 2. Lợi tức trái phiếu kỳ hạn 10-15 năm tăng mạnh nhất khoảng 80-85 điểm phần trăm và kết thúc quý ở mức 3,25%-3,45%. Lợi tức trái phiếu 20-30 năm khá ổn định trong Quý 1, nhưng đã bắt đầu tăng nhanh trong Quý 2, khoảng 50-60 điểm phần trăm.

94,7 nghìn tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp được phát hành riêng lẻ trong Quý 2/2022. Khối lượng phát hành cao hơn Quý 1/2022 (61,3 nghìn tỷ) nhưng thấp hơn đáng kể so với Quý 2/2021 (200,4 nghìn tỷ đồng). Thị trường sơ cấp kém sôi nổi một phần do Thông tư 16/2021/TT-NHNN có hiệu lực từ ngày 15 tháng 1 năm 2022 thắt chặt việc đầu tư trái phiếu doanh nghiệp của các ngân hàng thương mại và một phần do việc khởi tố một số lãnh đạo của Tập đoàn Tân Hoàng Minh do có các hành vi lừa đảo nhà đầu tư trái phiếu. Chỉ có một đợt phát hành ra công chúng với khối lượng 300 tỷ được thực hiện bởi Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG.

Lợi tức trái phiếu doanh nghiệp không có biến động so với quý trước. Trái phiếu tăng vốn cấp 2 kỳ hạn 8 năm của ngân hàng thương mại nhóm 1 có lãi suất chênh lệch 0,9% so với lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng của 4 ngân hàng quốc doanh, trong khi lãi suất của trái phiếu tương tự do các ngân hàng thương mại nhóm 2 và 3 phát hành có lãi suất chênh lệch 1,3%-1,9%. Trái phiếu phát hành bởi các công ty bất động sản và nhóm ngành khác có mức lãi suất trong khoảng 9,5% đến 10%.

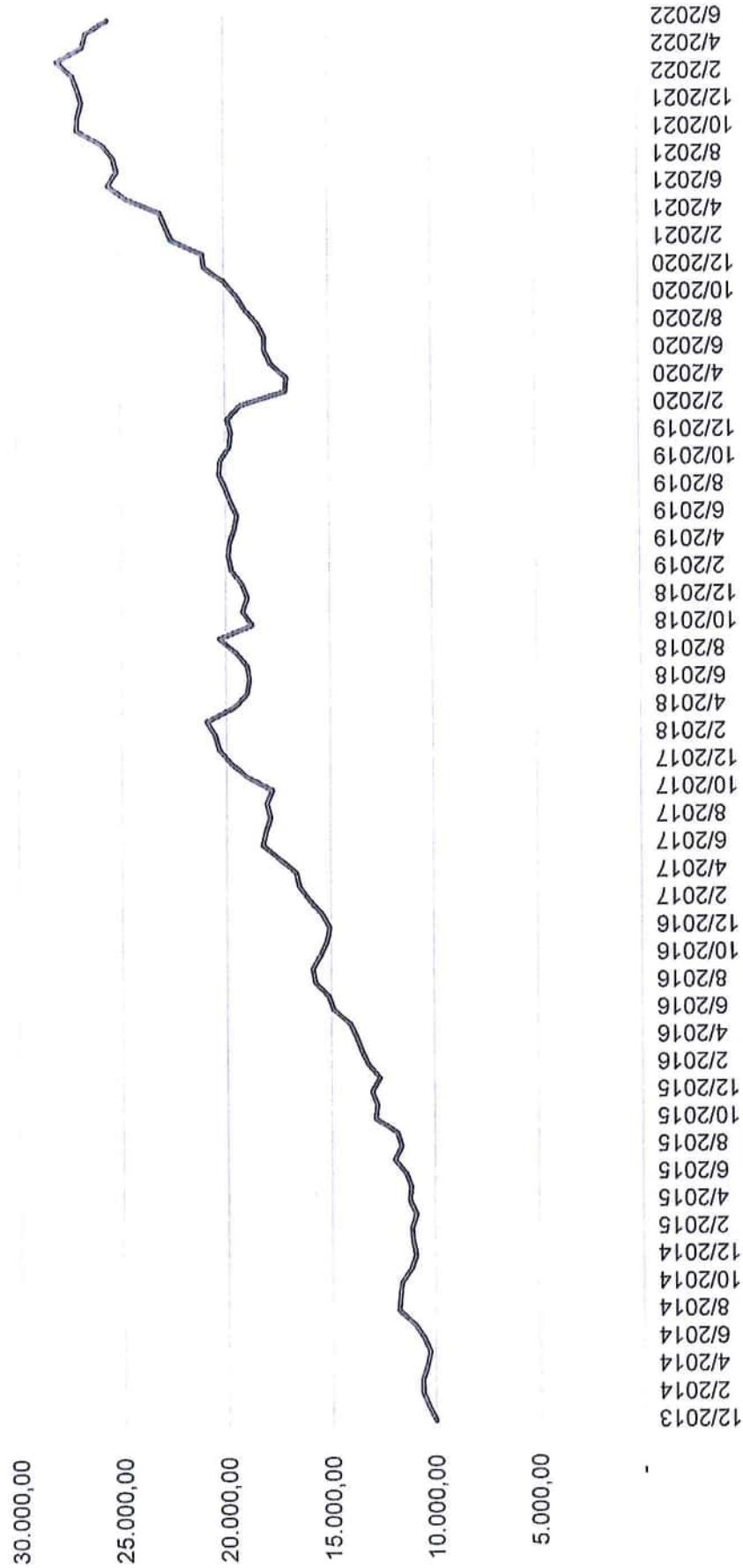
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Biểu đồ thay đổi Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ hàng tháng của Quỹ:



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ (a)	1,63	Không áp dụng
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ (a)	-1,66	Không áp dụng
Tăng trưởng hàng năm/1 đơn vị quỹ	-0,03	11,64
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không áp dụng	Không áp dụng
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị quỹ	Không áp dụng	Không áp dụng

(a) Phân phân tách tăng trưởng/1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối.

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VNĐ	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VNĐ	Tỷ lệ thay đổi (%)
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	242.954.993.498	208.278.752.084	16,65
Giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị quỹ	25.552,23	25.559,08	-0,03

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	1.198	1.429.105,09	15,02
Từ 5.000 đến 10.000	99	683.403,34	7,19
Từ 10.000 đến 50.000	73	1.463.231,98	15,39
Từ 50.000 đến 500.000	8	1.172.839,03	12,34
Trên 500.000	3	4.759.589,87	50,06
Tổng cộng	1.381	9.508.169,31	100,00

3. Chi phí ngầm và giảm giá: Không có

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Lạm phát và đình trệ là một thực tế mà cả thế giới đang phải đối mặt. Ngân hàng Thế giới vào tháng 6 năm 2022 đã dự báo tăng trưởng toàn cầu sẽ giảm tốc từ mức 5,7% trong năm 2021 xuống 2,9% trong năm nay, thấp hơn khá nhiều so với dự báo 4,1% trong báo cáo tháng 1. Cùng lúc, lạm phát đã gia tăng ở hầu hết các quốc gia. Quan trọng hơn, bằng việc tăng lãi suất gấp rút trong nỗ lực kiềm chế lạm phát, rủi ro các nền kinh tế lớn rơi vào suy thoái ngày càng tăng cao. Cũng theo Ngân hàng Thế giới, ngay cả khi rủi ro suy thoái được ngăn chặn, ảnh hưởng của lạm phát và đình trệ có thể kéo dài trong nhiều năm, trừ khi chuỗi cung ứng toàn cầu cho thấy các dấu hiệu hồi phục rõ ràng. Về mặt tích cực, giá hàng hóa đã giảm đáng kể trong thời gian gần đây sau khi FED quyết liệt tăng lãi suất và khi rủi ro suy thoái cao hơn. Điều này mang lại hy vọng rằng lạm phát ở Mỹ có thể đã đạt đỉnh và sẽ bắt đầu giảm từ tháng 7 năm nay. Bên cạnh đó, mặc dù các tổ chức dự báo cho rằng rủi ro suy thoái là cao hơn nhưng hầu hết đều nhận định rằng mức độ suy thoái chỉ từ nhẹ đến trung bình.

Mặc dù đối diện với nhiều thách thức trên toàn cầu, kinh tế Việt Nam vẫn diễn biến tích cực. Cụ thể, nền kinh tế Việt Nam đã phục hồi mạnh mẽ trong khi lạm phát vẫn trong tầm kiểm soát. Câu hỏi đặt ra là liệu kinh tế Việt Nam, vốn có độ mở lớn, có thể đứng vững nếu ví mô toàn cầu diễn biến theo chiều hướng xấu hơn hay không. Đã có một số dấu hiệu cho thấy số lượng đơn hàng xuất khẩu mới của một số mặt hàng chính đang chững lại. Tuy nhiên, điểm tích cực là giải ngân vốn đầu tư nước ngoài ngày càng tăng và kì vọng sản xuất và xuất khẩu từ các công ty mới này có thể sẽ bù đắp nếu giá trị xuất khẩu của các doanh nghiệp hiện hữu suy giảm. Bên cạnh đó, thực tế là Việt Nam vẫn đang nhập khẩu khoảng 90% nguyên liệu đầu vào cho xuất khẩu. Do đó, nếu xuất khẩu suy giảm cũng sẽ không ảnh hưởng đáng kể đến GDP của Việt Nam. Hơn nữa, khu vực dịch vụ đang hồi phục mạnh mẽ và đây sẽ là lợi thế giúp Việt Nam duy trì đà tăng trưởng.

Về rủi ro lạm phát, áp lực tăng giá sẽ cao hơn trong những tháng tới do mặt bằng giá năng lượng và nguyên liệu sản xuất thực phẩm cao bắt đầu có ảnh hưởng sâu rộng hơn. Tuy nhiên, giá cả hàng hóa đã giảm xuống như đá đề cập ở trên và Chính phủ đã và đang rất quyết tâm kiểm soát lạm phát, cũng như NHNN cũng cần trọng hơn trong chính sách tiền tệ. Do đó, chúng tôi cho rằng CPI vẫn sẽ được kiểm soát tốt. Tương tự, khả năng đồng VNĐ mất giá mạnh là không cao khi NHNN đã sẵn sàng và đủ nguồn lực để can thiệp, dòng vốn giải ngân FDI vẫn cao và cán cân thương mại vẫn thặng dư.

Thị trường chứng khoán đã ghi nhận một trong những quý tồi tệ nhất từ trước đến nay. Nhưng đó không phải là điều ngạc nhiên. Giá nhiều cổ phiếu được các nhà đầu tư cá nhân, vốn có ít kiến thức đầu tư và thông tin về doanh nghiệp, đẩy lên quá cao so với giá trị và sau đó đã suy giảm nhanh chóng. Áp lực bán tháo khiến định giá chung của thị trường mạnh, mặc dù kỳ vọng tăng trưởng lợi nhuận doanh nghiệp năm 2022 chỉ được điều chỉnh giảm nhẹ từ 22,5% xuống 19,9%², theo Bloomberg. Cụ thể, hệ số P/E dự phóng năm 2022 của VNI đã giảm xuống chỉ còn khoảng 11,3 lần hiện tại. Điều kiện vĩ mô không thuận lợi có thể khiến kỳ vọng lợi nhuận có thể tiếp tục bị điều chỉnh giảm sâu hơn và cổ phiếu tiếp tục giảm giá. Tuy nhiên, điều cần lưu ý là giá cổ phiếu có thường xu hướng đi trước lợi nhuận doanh nghiệp thực tế, thay vì ngược lại. Mặc dù trong ngắn hạn còn nhiều thách thức vĩ mô và tâm lý nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán nhìn chung vẫn khá tiêu cực, tiềm năng tăng trưởng cao trong dài hạn của nền kinh tế và thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn rất chắc chắn. Định giá thị trường hiện tại đã ở mức hấp dẫn hơn trước và điều đó có nghĩa là tiềm năng lợi nhuận trong tương lai sẽ cao hơn.

² Bloomberg, 12/07/2022

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban Đại diện Quỹ, và Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch của Quỹ.



Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2022



BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Chiến Lược VCBF ("Quỹ") cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022, hạn mức đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với các quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan, cụ thể như sau:
- Theo Điểm e, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ("Thông tư 98") và Điều 10, Điều lệ Quỹ quy định cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ mở phải đảm bảo: "Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của quỹ, trừ trường hợp quỹ trái phiếu." Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ cho phù hợp với quy định trong thời gian cho phép.
- Tại kỳ định giá ngày 27 tháng 04 năm 2022 và kỳ định giá ngày 08 tháng 06 năm 2022, tỷ lệ đầu tư vào các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ do biến động giá thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ và Quỹ thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư.
- Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định trong thời gian cho phép.
- Tại các kỳ định giá khác trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ quy định tại Điểm e, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98 và Điều 10, Điều lệ Quỹ.
- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Vũ Hương Giang

Trưởng phòng Dịch vụ Quản trị và Giám sát Quỹ

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Vũ Minh Hiền

Nhân viên bộ phận Giám sát

Số tham chiếu: 61141024/22987233 -SX

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF ("Quỹ") được lập ngày 12 tháng 8 năm 2022 và được trình bày từ trang 17 đến trang 59, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Giám đốc của Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ của Quý vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0763-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

B01g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VNĐ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VNĐ
01	I. (LỖ)/THU NHẬP HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		(9.931.334.608)	35.946.224.447
02	1.1 Cổ tức được chia		1.508.403.842	1.152.152.000
03	1.2 Tiền lãi được nhận	14	3.135.862.094	2.737.821.551
04	1.3 Lãi bán các khoản đầu tư	15	7.449.955.392	9.060.334.279
05	1.4 Chênh lệch (giảm)/tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	(22.025.555.936)	22.995.916.617
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		46.485.485	74.399.300
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	16	46.485.485	74.399.300
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		2.492.896.489	1.971.151.429
20.1	3.1 Phí quản lý Quỹ mở	25.1	1.896.179.937	1.366.586.744
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	17	119.224.929	127.907.958
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát	25.2	118.800.000	118.800.000
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	25.2	118.800.000	118.800.000
20.5	3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		66.000.000	66.000.000
20.7	3.6 Chi phí họp, Đại hội Quỹ mở		39.062.900	33.926.859
20.8	3.7 Chi phí kiểm toán		70.683.288	72.003.288
20.10	3.8 Chi phí hoạt động khác	18	64.145.435	67.126.580
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		(12.470.716.582)	33.900.673.718
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		-	138.020.784
24.1	5.1 Thu nhập khác	19	-	138.020.784
30	VI. TỔNG (LỖ)/LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		(12.470.716.582)	34.038.694.502
31	6.1 Lợi nhuận đã thực hiện		9.554.839.354	11.042.777.885
32	6.2 (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	5	(22.025.555.936)	22.995.916.617
40	VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN		-	-
41	VIII. (LỖ)/LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		(12.470.716.582)	34.038.694.502

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

B01g-QM

Bà Lê Văn
Trưởng phòng - Kế toán Quỹ và Danh mục tài sản



Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Minh Hằng
Người lập biểu

Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

B02g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	4	4.829.803.722	28.969.914.713
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		4.829.803.722	5.543.705.465
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		-	23.426.209.248
120	2. Các khoản đầu tư thuần		238.128.824.726	221.413.233.695
121	2.1 Các khoản đầu tư	5	238.128.824.726	221.413.233.695
130	3. Các khoản phải thu		2.041.389.217	1.745.460.233
133	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		2.041.389.217	1.745.460.233
136	3.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	6	2.041.389.217	1.745.460.233
100	TỔNG TÀI SẢN		245.000.017.665	252.128.608.641
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
313	1. Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	7	100.060.167	115.452.742
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		15.488.765	12.865.193
316	3. Chi phí phải trả	8	99.003.288	72.600.000
317	4. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	9	1.190.912.700	287.829.777
318	5. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	10	256.970.548	124.494.491
319	6. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	11	380.088.699	392.398.221
320	7. Phải trả, phải nộp khác		2.500.000	-
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		2.045.024.167	1.005.640.424
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ		242.954.993.498	251.122.968.217
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		95.081.693.100	93.597.936.100
412	1.1 Vốn góp phát hành	12	302.403.607.300	291.485.225.300
413	1.2 Vốn góp mua lại	12	(207.321.914.200)	(197.887.289.200)
414	2. Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư	12	14.999.481.931	12.180.497.068
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	13	132.873.818.467	145.344.535.049
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN MỘT CHỨNG CHỈ QUỸ	12	25.552,23	26.829,96

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

B02g-QM

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	21	9.508.169,31	9.359.793,61

Bà Lê Vân
Trưởng phòng - Kế toán Quỹ và Danh mục tài sản



Ông Vũ Quảng Đông
Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Minh Hằng
Người lập biểu

Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
 GIỮA NIÊN ĐỘ
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

B03g-QM

STT	CHỈ TIÊU	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu kỳ	251.122.968.217	193.307.376.421
II	Thay đổi NAV so với kỳ trước	(12.470.716.582)	34.038.694.502
II.1	Trong đó: - Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong kỳ	(12.470.716.582)	34.038.694.502
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	4.302.741.863	(19.067.318.839)
III.1	Trong đó: - Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	29.466.325.115	27.001.488.007
III.2	- Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(25.163.583.252)	(46.068.806.846)
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối kỳ	242.954.993.498	208.278.752.084

Bà Lê Văn
 Trưởng phòng - Kế toán Quỹ và Danh mục tài
 sản



Ông Vũ Quang Đông
 Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Minh Hằng
 Người lập biểu

Bà Trần Thị Hà Linh
 Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

B04g-QM


STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (%)
1	Cổ phiếu niêm yết	3.984.170		168.604.413.200	68,82
1	ACB	220.863	24.000	5.300.712.000	2,16
2	ACV	40.800	79.000	3.223.200.000	1,32
3	BID	191.801	33.500	6.425.333.500	2,62
4	BVH	127.190	52.500	6.677.475.000	2,73
5	BWE	114.220	51.000	5.825.220.000	2,38
6	CTG	184.964	26.150	4.836.808.600	1,97
7	FPT	177.590	86.200	15.308.258.000	6,25
8	GMD	25.000	52.000	1.300.000.000	0,53
9	HCM	163.200	20.200	3.296.640.000	1,35
10	HPG	313.734	22.300	6.996.268.200	2,86
11	IMP	51.986	59.500	3.093.167.000	1,26
12	MBB	498.398	24.200	12.061.231.600	4,92
13	MWG	178.680	71.500	12.775.620.000	5,21
14	NCT	29.800	97.400	2.902.520.000	1,18
15	NLG	137.706	35.800	4.929.874.800	2,01
16	PNJ	59.579	128.500	7.655.901.500	3,12
17	PVS	193.345	23.900	4.620.945.500	1,89
18	QNS	135.200	45.000	6.084.000.000	2,48
19	REE	36.841	86.200	3.175.694.200	1,30
20	SAB	33.000	154.600	5.101.800.000	2,08
21	STB	419.000	21.500	9.008.500.000	3,68
22	VHC	35.010	93.500	3.273.435.000	1,34
23	VHM	149.816	62.100	9.303.573.600	3,80
24	VIC	117.000	73.500	8.599.500.000	3,51
25	VNM	100.648	72.200	7.266.785.600	2,97
26	VRE	158.900	28.550	4.536.595.000	1,85
27	VTP	89.899	55.900	5.025.354.100	2,05

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

B04g-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (%)
II	Trái phiếu			64.524.411.526	26,34
1	Trái phiếu niêm yết			50.808.885.315	20,74
1.1	- VHM121025	50.000	99.912,203	4.995.610.150	2,04
1.2	- MSN11906	150.000	101.413,727	15.212.059.050	6,21
1.3	- HDG121001	75.000	99.385,603	7.453.920.225	3,04
1.4	- GEG121022	130.000	99.802,603	12.974.338.390	5,30
1.5	- MML121021	100.000	101.729,575	10.172.957.500	4,15
2	Trái phiếu chưa niêm yết			13.715.526.211	5,60
2.1	- Trái phiếu CTCP Tập đoàn Hà Đô	127	100.135,082	12.717.155.414	5,19
2.2	- Trái phiếu Tập đoàn Vingroup - CTCP	9.980	100.037,154	998.370.797	0,41
III	Các tài sản khác			2.041.389.217	0,83
1	Dự thu cổ tức			141.029.900	0,06
2	Dự thu lãi trái phiếu			1.817.359.317	0,74
3	Dự thu lãi chứng chỉ tiền gửi			83.000.000	0,03
IV	Tiền			9.829.803.722	4,01
1	Tiền gửi ngân hàng			4.829.803.722	1,97
1.1	- Tiền gửi thanh toán			4.829.803.722	1,97
2	Chứng chỉ tiền gửi			5.000.000.000	2,04
V	Tổng giá trị danh mục			245.000.017.665	100,00


Bà Lê Văn
Trưởng phòng - Kế toán Quỹ và Danh mục tài sản



Bà Nguyễn Minh Hằng
Người lập biểu

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2022




Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc


Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

B05g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VNĐ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VNĐ
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	1. (Lỗ)/lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		(12.470.716.582)	34.038.694.502
02	2. Điều chỉnh cho các khoản tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		22.027.459.224	(23.064.154.425)
	Trong đó:			
03	Lỗ/(lãi) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	22.025.555.936	(22.995.916.617)
04	Chi phí trích trước		1.903.288	(68.237.808)
05	3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		9.556.742.642	10.974.540.077
20	(Tăng)/giảm các khoản đầu tư		(38.741.146.967)	7.469.380.163
07	(Tăng)/giảm dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(295.928.984)	356.669.934
11	Giảm phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		(15.392.575)	(7.629.394)
13	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		2.623.572	6.003.214
14	Tăng phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		903.082.923	179.998.709
15	Tăng phải trả cho nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		132.476.057	592.393.955
16	Tăng phải trả, phải nộp khác		27.000.000	27.000.000
17	(Giảm)/tăng phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở		(12.309.522)	9.719.907
19	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/ từ hoạt động đầu tư		(28.442.852.854)	19.608.076.565
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	12	29.466.325.115	27.001.488.007
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	12	(25.163.583.252)	(46.068.806.846)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		4.302.741.863	(19.067.318.839)
40	III. (Giảm)/tăng tiền thuần trong kỳ		(24.140.110.991)	540.757.726

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

B05g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VNĐ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VNĐ
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	4	28.969.914.713	21.243.175.890
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		28.969.914.713	21.243.175.890
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		28.557.590.445	20.977.676.708
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		23.426.209.248	16.540.795.337
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		5.131.381.197	4.436.881.371
53	- Tiền gửi của nhà đầu tư về mua, bán chứng chỉ quỹ		412.324.268	265.499.182
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	4.829.803.722	21.783.933.616
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		4.829.803.722	21.783.933.616
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		3.396.384.935	21.035.958.856
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		-	10.382.228.178
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		3.396.384.935	10.653.730.678
58	- Tiền gửi của nhà đầu tư về mua, bán chứng chỉ quỹ		1.433.418.787	747.974.760
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ		(24.140.110.991)	540.757.726

Bà Lê Văn
 Trưởng phòng - Kế toán Quỹ và Danh mục tài sản



Ông Vũ Quang Đông
 Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Minh Hằng
 Người lập biểu

Bà Trần Thị Hà Linh
 Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 44/GCN-UBCK ngày 16 tháng 9 năm 2013 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 06/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 6.042.661,45 chứng chỉ với tổng giá trị là 60.426.614.500 đồng, chiếm 120,85% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VNĐ/đơn vị quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 95.081.693.100 đồng, tương đương với 9.508.169,31 chứng chỉ quỹ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt. Tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt bao gồm tiền gửi ngân hàng, giấy tờ có giá, trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và các loại tài sản có thu nhập cố định khác. Trái phiếu doanh nghiệp chỉ được xem xét đầu tư khi trái phiếu đáp ứng được một số yêu cầu về an toàn và quy định của pháp luật. Việc điều chỉnh mục tiêu đầu tư của Quỹ cần phải được Nhà đầu tư biểu quyết thông qua theo quy định tại Điều lệ Quỹ, và nếu được chấp thuận, các điều chỉnh này sẽ được cập nhật vào Bản cáo bạch của Quỹ.

Chiến lược đầu tư

Quỹ sẽ chủ yếu đầu tư vào trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp. Trái phiếu doanh nghiệp chỉ được xem xét đầu tư nếu được phát hành bởi các công ty có chất lượng tín dụng cao và/hoặc trái phiếu được bảo lãnh bởi các ngân hàng có uy tín và thỏa mãn các yêu cầu của pháp luật.

Quỹ sẽ chủ yếu đầu tư vào một danh mục đầu tư đa dạng các cổ phiếu niêm yết có giá trị vốn hóa thị trường lớn và có thanh khoản tốt trên HSX và HNX. Cổ phiếu được xem là có vốn hóa thị trường lớn là những cổ phiếu có vốn hoá thị trường lớn hơn vốn hoá thị trường của cổ phiếu có vốn hóa lớn thứ 100 được niêm yết trên HSX.

Quỹ sẽ kết hợp cả chiến lược đầu tư tăng trưởng và chiến lược đầu tư giá trị. Trong việc tìm kiếm các đặc tính tăng trưởng bền vững, Quỹ đánh giá cơ hội thị trường trong dài hạn và tính cạnh tranh của từng ngành để nhắm đến các công ty đầu ngành và các công ty có triển vọng trở thành công ty đầu ngành. Trong việc đánh giá giá trị của công ty, Quỹ sẽ xem xét liệu giá chứng khoán đã phản ánh đầy đủ mối tương quan giữa cơ hội tăng trưởng bền vững với rủi ro kinh doanh và rủi ro tài chính hay chưa.

Quỹ sẽ sử dụng phương pháp tiếp cận từ dưới lên, tức là từ phân tích các chỉ số cơ bản của công ty để lựa chọn cổ phiếu đầu tư và lựa chọn các công ty trong nhiều ngành khác nhau. Tỷ trọng ngành trong danh mục đầu tư của Quỹ là kết quả của quy trình phân tích cơ bản công ty và vì vậy có thể khác với tỷ trọng ngành trong chỉ số tham chiếu.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng ("NAV")

NAV của Quỹ phải được xác định hàng tuần vào Ngày Giao Dịch hoặc những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ là định kỳ vào ngày thứ Tư hàng tuần nếu ngày đó là ngày làm việc. Nếu ngày thứ Tư không phải là ngày làm việc thì ngày giao dịch sẽ là ngày làm việc tiếp theo. Trong trường hợp ngày làm việc tiếp theo là ngày thứ Ba thì ngày giao dịch sẽ là ngày thứ Tư của tuần đó.



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của Luật hiện hành. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc và các hạn mức đầu tư sau:

- a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, Quỹ không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản gồm: tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- c) Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) dưới đây của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ:
 - i. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- d) Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản dưới đây được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:
 - i. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - iii. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - iv. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
 - v. Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- e) Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tài sản là cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản dưới đây (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ:
 - i. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - ii. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - iii. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
 - iv. Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- h) Không được đầu tư vào Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ VCBF - TBF;
- i) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - i. Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - ii. Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - iii. Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- k) Phải có chứng khoán của ít nhất 06 tổ chức phát hành;
- l) Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại Khoản (a), (b), (c), (d), (e), (f) và (i) nêu trên và chỉ do các nguyên nhân sau:

- (i) Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- (ii) Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- (iii) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- (iv) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh; hoặc
- (v) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư vì các lý do quy định tại điểm (i), (ii), (iii), (iv) nêu trên, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư như được quy định trong vòng 3 (ba) tháng kể từ ngày có sai lệch phát sinh.

Trong trường hợp sai lệch phát sinh vì Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn mức đầu tư như quy định bởi pháp luật hoặc Điều lệ hoặc Bản cáo bạch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận đã có được cho Quỹ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (Thuyết minh 3.3).

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, danh mục đầu tư giữa niên độ, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ
2. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ
4. Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Quỹ áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Quỹ cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư 198 và Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam ("VNĐ").

2.5 *Cam kết tuân thủ*

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở yêu cầu Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua, bán chứng chỉ quỹ chờ xử lý, tiền gửi phong tỏa, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

3.3 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, trái phiếu niêm yết và chưa niêm yết, chứng chỉ tiền gửi và các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng.

Nguyên tắc phân loại

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư". Phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng, chứng chỉ tiền gửi được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
- ▶ Chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các tài sản khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và được Ban Đại diện Quỹ và Ngân hàng Giám sát phê duyệt. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.

Nguyên tắc định giá

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VNĐ)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định Giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối; nơi ngoại tệ của Quỹ đang gửi, tại ngày trước Ngày Định Giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Tiền gốc cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ (tiếp theo)		
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	<p>Giá thị trường là giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>Trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào thời gian nắm giữ công cụ và lãi suất chiết khấu là một trong các mức lãi suất sau đây theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lãi suất trúng thầu; hoặc - Lãi suất khác do Ban Đại Diện Quỹ quy định.
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá yết bình quân gia quyền (giá sạch - clean price) trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá); hoặc không có giao dịch nào từ ngày có quyết định niêm yết đến Ngày Định Giá; hoặc giá trái phiếu có biến động bất thường như quy định dưới đây; giá thị trường là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá yết bình quân gia quyền (giá sạch - clean price) trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán, không có biến động bất thường như quy định dưới đây, tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá nhưng không quá sáu mươi (60) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá) cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá yết (giá sạch - clean price) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền (discount cash flow) áp dụng đối với trái phiếu có thời hạn nắm giữ còn lại trên một (01) năm cộng lãi lũy kế; hoặc

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu (tiếp theo)		
6.	Trái phiếu niêm yết (tiếp theo)	<ul style="list-style-type: none"> + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế. - Trường hợp trái phiếu hủy niêm yết để làm thủ tục đáo hạn, giá tính theo phương pháp mệnh giá cộng lãi lũy kế. - Giá trái phiếu được xem là có biến động bất thường nếu thuộc một trong các trường hợp dưới đây: <ul style="list-style-type: none"> + Giá yết bình quân gia quyền (giá sạch - clean price) trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán có biến động hơn +/- 3% khi so sánh với giá yết (giá sạch - clean price) (nếu có) trên các hệ thống báo giá của cùng ngày giao dịch. + Giá yết bình quân gia quyền (giá sạch - clean price) trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán có biến động hơn +/- 3% khi so sánh với giá của kỳ báo cáo gần nhất.
7.	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá yết (giá sạch - clean price) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền (discount cash flow) áp dụng đối với trái phiếu có thời hạn nắm giữ còn lại trên một (01) năm cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế. - Trường hợp trái phiếu chính phủ/trái phiếu chính phủ bảo lãnh/trái phiếu chính quyền địa phương đấu thầu đang chờ niêm yết, giá tính theo phương pháp giá mua cộng lãi lũy kế.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá); hoặc không có giao dịch nào từ ngày có quyết định niêm yết đến Ngày Định Giá; là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá chín mươi (90) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá); hoặc + Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách. - Trong thời gian chứng khoán đang làm thủ tục chuyển sàn thì dùng giá của ngày có giao dịch gần nhất trên sàn cũ.
9.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá
10.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phần, phần vốn góp khác (bao gồm cả cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng đang chờ làm thủ tục niêm yết)	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá dựa trên báo giá của ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ ("VCBF")

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu (tiếp theo)		
11.	Cổ phần, phần vốn góp khác (bao gồm cả cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng đang chờ làm thủ tục niêm yết) (tiếp theo)	- Trường hợp không có đủ báo giá của ba (03) tổ chức báo giá, sử dụng một trong các phương pháp sau: + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá chín mươi (90) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá); hoặc + Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá trị sổ sách.
12.	Quyền mua cổ phiếu	Giá trị quyền mua = Max {0; (Giá cổ phiếu – Giá phát hành cổ phiếu mới) x tỷ lệ thực hiện quyền} Trong đó: - Tỷ lệ thực hiện quyền = Số cổ phiếu được mua/Số lượng quyền mua sở hữu
Chứng khoán phái sinh		
13.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá)	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
15.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo một trong các phương pháp sau: - Giá mua cộng lãi lũy kế (nếu có) - Phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quý đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại ngày giao dịch.

3.4 Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng của Quý tại ngày định giá được xác định bằng tổng giá trị các tài sản do Quý sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ quản trị quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các khoản phải trả khác) tính đến ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quý chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và được làm tròn xuống đến hai (2) số thập phân.

3.5 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn

3.5.1 Vốn chủ sở hữu

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành phản ánh số vốn nhà đầu tư góp ban đầu và góp bổ sung. Khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được kết quả giải tỏa phong tỏa về số tiền thu hợp lệ khoản góp vốn đầu tư và kết quả xác nhận vốn góp nhà đầu tư hợp lệ của đại lý chuyển nhượng (trường hợp phát hành lần đầu); giấy báo có của Ngân hàng Giám sát kèm bảng phân bổ tiền thu bán chứng chỉ quỹ về số tiền thu hợp lệ của các nhà đầu tư (trường hợp phát hành các lần tiếp theo), Công ty Quản lý Quỹ sử dụng để làm căn cứ ghi nhận vốn góp phát hành.

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Căn cứ vào xác nhận của đại lý chuyển nhượng kèm bảng tổng hợp các lệnh mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ ghi nhận vốn góp mua lại.

Chênh lệch giữa vốn góp phát hành và vốn góp mua lại chính là vốn góp của nhà đầu tư.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- ▶ Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá.
- ▶ Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá mua lại chứng chỉ quỹ và mệnh giá.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.5 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn (tiếp theo)

3.5.2 Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi và lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

3.5.3 Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong kỳ cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản "Lợi nhuận chưa phân phối" vào cuối kỳ.

Quỹ mở ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Bản cáo bạch, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

3.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập trong kỳ. Trong đó, dự phòng liên quan đến phải thu bán các khoản đầu tư được ghi nhận làm tăng chi phí trong kỳ, dự phòng liên quan đến cổ tức, trái tức và lãi tiền gửi được ghi nhận làm giảm thu nhập trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 24/2022/TT-BTC như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua, bán chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.8 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quý phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

3.8.1 Giá dịch vụ quản lý danh mục đầu tư

Giá dịch vụ quản lý danh mục đầu tư bao gồm Giá dịch vụ quản lý quỹ, Giá dịch vụ quản trị quỹ và Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng. Theo quy định của Thông tư số 102/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 thì Giá dịch vụ quản lý danh mục đầu tư mà Quý phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ tối đa là 2% giá trị tài sản ròng ("NAV") của Quý.

(i) Giá dịch vụ quản lý quỹ

Giá dịch vụ quản lý quỹ hàng năm tối đa sẽ là 1,5% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quý, được ghi nhận vào chi phí của Quý tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Mức giá dịch vụ quản lý quỹ cụ thể sẽ được VCBF công bố tùy theo từng thời điểm trên website của mình.

(ii) Giá dịch vụ quản trị quỹ

Giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quý với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ quản trị quỹ được ghi nhận vào chi phí của Quý tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ.

(iii) Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 10.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được ghi nhận vào chi phí của Quý tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho đại lý chuyển nhượng.

3.8.2 Giá dịch vụ giám sát

Giá dịch vụ giám sát là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quý với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ giám sát được ghi nhận vào chi phí của Quý tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

3.8.3 Giá dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ lưu ký là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quý với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng một tháng. Giá dịch vụ trên không bao gồm các phí lưu ký phải thanh toán cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, chi phí giao dịch và đăng ký chứng khoán. Giá dịch vụ lưu ký được ghi nhận vào chi phí của Quý tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

3.8.4 Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán

Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 220.000 VNĐ/giao dịch.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quý có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quý với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

Nhận cổ tức bằng cổ phiếu, Quý chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận.

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập giữa niên độ khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch chứng khoán đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

3.10 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quý không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quý có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quý trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.10 Thuế (tiếp theo)

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư (tiếp theo)

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức được chi trả.

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015, Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 và các thông tư sửa đổi bổ sung do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

3.11 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ, những chức danh quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

3.12 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.13 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Quý quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Quý bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các khoản đầu tư khác, các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Quý xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Quý bao gồm các khoản phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và các khoản phải trả, phải nộp khác.

Công cụ tài chính - Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quý có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.14 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VNĐ
Tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho hoạt động của Quỹ mở	3.396.384.935	5.131.381.197
Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng	-	23.426.209.248
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua, bán chứng chỉ quỹ	1.433.418.787	412.324.268
	4.829.803.722	28.969.914.713

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Chênh lệch do đánh giá lại				Giá trị đánh giá lại VNĐ	
	Giá mua VNĐ	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VNĐ	Chênh lệch tăng VNĐ	Chênh lệch giảm VNĐ		Chênh lệch tăng thuần VNĐ
Ngày 30 tháng 6 năm 2022						
Cổ phiếu niêm yết	133.601.299.313	168.604.413.200	42.936.145.986	(7.933.032.099)	35.003.113.887	168.604.413.200
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết (a)	50.959.217.603	50.808.885.315	25.495.351	(175.827.639)	(150.332.288)	50.808.885.315
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (b)	13.717.683.825	13.715.526.211	-	(2.157.614)	(2.157.614)	13.715.526.211
Chứng chỉ tiền gửi (c)	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	-	5.000.000.000
Tổng cộng	203.278.200.741	238.128.824.726	42.961.641.337	(8.111.017.352)	34.850.623.985	238.128.824.726
Ngày 31 tháng 12 năm 2021						
Cổ phiếu niêm yết	117.114.118.921	174.017.355.200	57.731.097.645	(827.861.366)	56.903.236.279	174.017.355.200
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết	22.705.251.028	22.677.799.350	-	(27.451.678)	(27.451.678)	22.677.799.350
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	19.717.683.825	19.718.079.145	395.373	(53)	395.320	19.718.079.145
Chứng chỉ tiền gửi	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	-	5.000.000.000
Tổng cộng	164.537.053.774	221.413.233.695	57.731.493.018	(855.313.097)	56.876.179.921	221.413.233.695

Ảnh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập giữa niên độ
 (22.025.555.936)

- (a) Trái phiếu do Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, Công ty Cổ phần Vinhomes, Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô, Công ty Cổ phần Điện Gia Lai và Công ty Cổ phần Masan Meatlife phát hành, kỳ hạn từ 2 năm đến 5 năm, lãi suất từ 8,725%/năm đến 10,25%/năm, lãi trả hàng quý hoặc 6 tháng/lần.
- (b) Trái phiếu do Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô và Tập đoàn Vingroup - CTCP phát hành, kỳ hạn từ 2 năm đến 3 năm, lãi suất từ 9,625%/năm đến 10,50%/năm, lãi trả hàng quý hoặc 6 tháng/lần.
- (c) Chứng chỉ tiền gửi do Công ty Tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam phát hành, kỳ hạn 3 năm.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

6. DỰ THU CÓ TỨC, TIỀN LÃI CHƯA ĐẾN NGÀY NHẬN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VNĐ
Dự thu cổ tức	141.029.900	366.882.600
Dự thu tiền lãi từ trái phiếu	1.817.359.317	1.237.291.578
Dự thu tiền lãi từ chứng chỉ tiền gửi	83.000.000	84.136.986
Dự thu tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	-	57.149.069
	<u>2.041.389.217</u>	<u>1.745.460.233</u>

7. PHẢI TRẢ CHO CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VNĐ
Phải trả cho các Đại lý phân phối	11.777.118	28.639.360
Phải trả Công ty Quản lý Quỹ	88.283.049	86.813.382
	<u>100.060.167</u>	<u>115.452.742</u>

8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VNĐ
Phí kiểm toán	72.003.288	72.600.000
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	27.000.000	-
	<u>99.003.288</u>	<u>72.600.000</u>

9. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VNĐ
Phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ đang chờ hoàn thành giao dịch	<u>1.190.912.700</u>	<u>287.829.777</u>

10. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA LẠI CHỨNG CHỈ QUỸ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VNĐ
Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ đang chờ hoàn thành thủ tục thanh toán	<u>256.970.548</u>	<u>124.494.491</u>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

11. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VNĐ
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	308.188.699	322.038.221
Phải trả dịch vụ giám sát	19.800.000	19.800.000
Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	19.800.000	19.800.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	18.000.000	18.000.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	3.300.000	1.760.000
Phải trả dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	11.000.000	11.000.000
	380.088.699	392.398.221

12. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022		
	Số dư đầu kỳ VNĐ	Phát sinh trong kỳ VNĐ	Số dư cuối kỳ VNĐ
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	29.148.522,53	1.091.838,20	30.240.360,73
Giá trị ghi theo mệnh giá	291.485.225.300	10.918.382.000	302.403.607.300
Thặng dư vốn	190.843.454.508	18.547.943.115	209.391.397.623
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	482.328.679.808	29.466.325.115	511.795.004.923
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	(19.788.728,92)	(943.462,50)	(20.732.191,42)
Giá trị ghi theo mệnh giá	(197.887.289.200)	(9.434.625.000)	(207.321.914.200)
Thặng dư vốn	(178.662.957.440)	(15.728.958.252)	(194.391.915.692)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	(376.550.246.640)	(25.163.583.252)	(401.713.829.892)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	9.359.793,61	148.375,70	9.508.169,31
Giá trị vốn góp hiện hành	105.778.433.168	4.302.741.863	110.081.175.031
Lợi nhuận chưa phân phối	145.344.535.049	(12.470.716.582)	132.873.818.467
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	251.122.968.217		242.954.993.498
Giá trị tài sản ròng trên 1 chứng chỉ quỹ	26.829,96		25.552,23

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

13. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VNĐ
Lợi nhuận đã thực hiện	98.023.194.482	88.468.355.128
Lợi nhuận chưa thực hiện	34.850.623.985	56.876.179.921
	132.873.818.467	145.344.535.049

14. TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VNĐ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VNĐ
Tiền lãi từ trái phiếu	2.839.882.346	1.779.726.836
Tiền lãi từ chứng chỉ tiền gửi	205.794.521	717.410.958
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	87.623.520	236.986.847
Tiền lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	2.561.707	3.696.910
	3.135.862.094	2.737.821.551

15. LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022		
	Tổng giá trị bán trong kỳ VNĐ	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VNĐ	Lãi bán chứng khoán trong kỳ VNĐ
Cổ phiếu	11.415.750.000	3.965.794.608	7.449.955.392
Trái phiếu chưa niêm yết	6.000.000.000	6.000.000.000	-
	17.415.750.000	9.965.794.608	7.449.955.392
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021		
	Tổng giá trị bán trong kỳ VNĐ	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VNĐ	Lãi bán chứng khoán trong kỳ VNĐ
Cổ phiếu	30.263.117.800	21.202.783.521	9.060.334.279

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

16. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VNĐ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VNĐ</i>
Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư	14.045.350	42.717.737
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	32.432.035	31.415.849
Chi phí giao dịch khác	8.100	265.714
	46.485.485	74.399.300

17. PHÍ DỊCH VỤ LƯU KÝ TÀI SẢN QUỸ MỞ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VNĐ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VNĐ</i>
Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	108.000.000	108.000.000
Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	5.830.000	15.400.000
Giá dịch vụ lưu ký cho chứng khoán cơ sở phải trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	5.394.929	4.507.958
	119.224.929	127.907.958

18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VNĐ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VNĐ</i>
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	60.000.000	60.000.000
Phí thường niên trả cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	2.500.000	4.958.904
Phí ngân hàng	1.645.435	2.167.676
	64.145.435	67.126.580

19. THU NHẬP KHÁC

Thu nhập khác thể hiện khoản phí thu từ việc mua lại chứng chỉ quỹ của các nhà đầu tư.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022:

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ cuối Tháng 12/2021	251.122.968.217	9.359.793,61	26.829,96	249,47
Kỳ 1 Tháng 1/2022	253.457.877.450	9.359.793,61	27.079,43	(438,17)
Kỳ 2 Tháng 1/2022	246.944.158.927	9.269.234,68	26.641,26	(220,51)
Kỳ 3 Tháng 1/2022	244.741.725.917	9.263.238,85	26.420,75	340,99
Kỳ 4 Tháng 1/2022	247.893.182.319	9.262.968,21	26.761,74	255,42
Kỳ cuối Tháng 1/2022	250.554.049.744	9.273.882,37	27.017,16	2,49
Kỳ 1 Tháng 2/2022	250.577.128.504	9.273.882,37	27.019,65	231,60
Kỳ 2 Tháng 2/2022	252.751.601.941	9.274.860,90	27.251,25	(46,24)
Kỳ 3 Tháng 2/2022	252.638.700.880	9.286.473,78	27.205,01	216,39
Kỳ 4 Tháng 2/2022	258.015.105.032	9.409.259,68	27.421,40	(170,69)
Kỳ cuối Tháng 2/2022	256.211.371.083	9.402.005,73	27.250,71	128,58
Kỳ 1 Tháng 3/2022	257.420.254.882	9.402.005,73	27.379,29	(418,56)
Kỳ 2 Tháng 3/2022	253.603.592.909	9.406.406,00	26.960,73	(166,03)
Kỳ 3 Tháng 3/2022	256.037.642.854	9.555.529,93	26.794,70	649,44
Kỳ 4 Tháng 3/2022	263.469.406.880	9.600.204,40	27.444,14	477,50
Kỳ 5 Tháng 3/2022	268.804.321.689	9.627.095,59	27.921,64	71,06
Kỳ cuối Tháng 3/2022	269.524.115.361	9.628.371,36	27.992,70	304,78
Kỳ 1 Tháng 4/2022	272.458.711.130	9.628.371,36	28.297,48	(657,97)
Kỳ 2 Tháng 4/2022	264.937.659.912	9.585.467,30	27.639,51	(44,30)
Kỳ 3 Tháng 4/2022	266.208.740.831	9.646.917,27	27.595,21	(1.126,62)
Kỳ 4 Tháng 4/2022	255.690.920.053	9.660.160,76	26.468,59	332,03
Kỳ cuối Tháng 4/2022	258.840.299.889	9.657.995,10	26.800,62	

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 5/2022	258.853.591.948	9.657.995,10	26.802,00	1,38
Kỳ 2 Tháng 5/2022	252.224.324.834	9.662.892,27	26.102,36	(699,64)
Kỳ 3 Tháng 5/2022	247.721.048.245	9.698.651,84	25.541,80	(560,56)
Kỳ 4 Tháng 5/2022	247.611.089.784	9.706.876,74	25.508,83	(32,97)
Kỳ cuối Tháng 5/2022	258.464.725.113	9.712.927,03	26.610,38	1.101,55
Kỳ 1/Tháng 6	261.298.014.553	9.715.894,69	26.893,87	283,49
Kỳ 2/Tháng 6	250.926.794.499	9.713.366,61	25.833,14	(1.060,73)
Kỳ 3/Tháng 6	242.959.929.711	9.658.746,61	25.154,39	(678,75)
Kỳ 4/Tháng 6	246.373.386.216	9.508.762,83	25.910,14	755,75
Kỳ cuối Tháng 6/2022	242.954.993.498	9.508.169,31	25.552,23	(357,91)
Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	254.839.421.610			(1.126,62)

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ mức cao nhất

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ mức thấp nhất

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

21. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành

Chi tiết theo thời gian có thể mua lại chứng chỉ quỹ:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 (chứng chỉ quỹ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 (chứng chỉ quỹ)
Đến một năm	9.508.169,31	9.359.793,61

22. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (%)	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (%)
Tỷ lệ chi phí hoạt động	1,99	2,23
Tốc độ vòng quay danh mục	23,59	32,12

22.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí hoạt động của Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng. Tại ngày kết thúc báo cáo tài chính giữa niên độ, tỷ lệ này sẽ được tính toán cho 12 tháng bằng cách nhân tỷ lệ của kỳ kế toán sáu tháng với bội số 2.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ}}$$

Những chi phí không được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ khi tính chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp trong kỳ (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế Nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

22.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) năm. Tại ngày kết thúc báo cáo tài chính giữa niên độ, tỷ lệ này sẽ được tính toán cho 12 tháng bằng cách nhân tỷ lệ của kỳ kế toán sáu tháng với bội số 2.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

22. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ (tiếp theo)

22.2 *Tốc độ vòng quay danh mục* (tiếp theo)

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán trong kỳ})/2 * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ}}$$

23. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quỹ. Quỹ cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

23.1 *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

(i) *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ. Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do danh mục đầu tư của Quỹ là các tài sản tài chính cho thu nhập cố định, có rủi ro lãi suất thấp và Quỹ đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi có lãi suất ổn định tại ngày lập báo cáo tài chính.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

23. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Quỹ là VNĐ. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có do Quỹ không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022.

(iii) Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng đầu tư của Quỹ cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào trái phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết của Quỹ là 219.413.298.515 đồng. Nếu giá trị thị trường của các chứng khoán này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm khoảng 21.941.329.852 đồng, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá trị thị trường của các chứng khoán này tăng 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng khoảng 21.941.329.852 đồng.

23.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ tài sản tài chính bao gồm trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi và các công cụ tài chính khác.

Quỹ chủ yếu duy trì số dư trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng và tổ chức kinh tế có uy tín ở Việt Nam. Rủi ro đối với số dư trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng, các tổ chức tín dụng và tổ chức kinh tế được quản lý bởi Công ty Quản lý Quỹ theo chính sách của Quỹ. Quỹ nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi là rất thấp. Chính sách của Quỹ là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín. Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quỹ bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

23.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

24. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Quý tại thời điểm cuối kỳ:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Giá trị ghi sổ VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ	Giá trị ghi sổ VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	4.829.803.722	4.829.803.722	28.969.914.713	28.969.914.713
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở	4.829.803.722	4.829.803.722	5.543.705.465	5.543.705.465
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng	-	-	23.426.209.248	23.426.209.248
Các khoản đầu tư thuần	238.128.824.726	238.128.824.726	221.413.233.695	221.413.233.695
- Cổ phiếu niêm yết	168.604.413.200	168.604.413.200	174.017.355.200	174.017.355.200
- Trái phiếu doanh nghiệp	64.524.411.526	64.524.411.526	42.395.878.495	42.395.878.495
- Chứng chỉ tiền gửi	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Các khoản phải thu	2.041.389.217	2.041.389.217	1.745.460.233	1.745.460.233
	245.000.017.665	245.000.017.665	252.128.608.641	252.128.608.641
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	100.060.167	100.060.167	115.452.742	115.452.742
Chi phí phải trả	99.003.288	99.003.288	72.600.000	72.600.000
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	1.190.912.700	1.190.912.700	287.829.777	287.829.777
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	256.970.548	256.970.548	124.494.491	124.494.491
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	380.088.699	380.088.699	392.398.221	392.398.221
Phải trả phải nộp khác	2.500.000	2.500.000	-	-
	2.029.535.402	2.029.535.402	992.775.231	992.775.231

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

24. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quý sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu, phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho Nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và phải trả phải nộp khác bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.3*.

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC

25.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

a) Công ty Quản lý Quỹ

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VNĐ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VNĐ
Giá dịch vụ quản lý quỹ	1.896.179.937	1.366.586.744
Số dư tại thời điểm cuối kỳ như sau:		
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VNĐ
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	308.188.699	322.038.221

b) Thủ lao Ban Đại diện Quỹ

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quý và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Thù lao của Ban Đại diện Quỹ được hạch toán vào chi phí của Quý.

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VNĐ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VNĐ
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	60.000.000	60.000.000
Số dư tại thời điểm cuối kỳ như sau:		
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VNĐ
Phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ	27.000.000	-

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC (tiếp theo)

25.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

c) Số lượng chứng chỉ quỹ mà bên liên quan nắm giữ

Chi tiết số lượng chứng chỉ quỹ được nắm giữ bởi bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
		Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Franklin Templeton Capital Holdings Private Limited	Chủ sở hữu chiếm 49% vốn điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ	2.500.000,00	26,29	2.500.000,00	26,71
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank	Công ty Quản lý Quỹ	1.334.027,88	14,03	1.334.027,88	14,25
Bên liên quan khác		77.576,35	0,82	72.759,86	0,78
		3.911.604,23	41,14	3.906.787,74	41,74

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC (tiếp theo)

25.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng Giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký ký với Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam ("Ngân hàng Giám sát"), Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giám sát là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng một tháng, mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và giá dịch vụ lưu ký là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng một tháng.

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng một tháng, mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Ngoài ra, Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 220.000 VNĐ/giao dịch.

Chi tiết giá dịch vụ và thu nhập phát sinh trong kỳ như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VNĐ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VNĐ</i>
Giá dịch vụ giám sát	118.800.000	118.800.000
Giá dịch vụ quản trị quỹ	118.800.000	118.800.000
Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	108.000.000	108.000.000
Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	5.830.000	15.400.000
Lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	2.561.707	3.696.910
Phí ngân hàng	1.644.500	2.125.500

Số dư tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VNĐ</i>
Tiền gửi thanh toán	4.829.803.722	5.543.705.465
Phải trả dịch vụ giám sát	19.800.000	19.800.000
Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	19.800.000	19.800.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	18.000.000	18.000.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	3.300.000	1.760.000

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

26. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngoài các thông tin đã trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Bà Lê Văn
Trưởng phòng - Kế toán Quý và Danh mục tài
sản



Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Minh Hằng
Người lập biểu

Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2022